

Số: /KH-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Cải cách hành chính năm 2025 của tỉnh Gia Lai**

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh về ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 của tỉnh Gia Lai, UBND tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch CCHC năm 2025 như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

a) Cụ thể hoá mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 – 2030 của Chính phủ và Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 của tỉnh Gia Lai nhằm xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, công khai, minh bạch, phục vụ nhân dân.

b) Nâng cao mức độ hài lòng về sự phục vụ hành chính, góp phần cải thiện Chỉ số CCHC của tỉnh, Chỉ số Hiệu quả Quản trị và hành chính công, Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số đánh giá chuyển đổi số...

c) Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác xây dựng, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; công tác kiểm tra, rà soát và xử lý kết quả kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo kịp thời, phù hợp với quy định pháp luật và tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

d) Triển khai đầy đủ, đồng bộ các quy định về theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

đ) Tiếp tục thực hiện cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp; TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ và tối ưu hóa quy trình giải quyết TTHC trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Đẩy mạnh thực

hiện TTHC trên môi trường điện tử và thanh toán trực tuyến để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi trên các phương tiện khác nhau.

e) Tiếp tục tăng cường ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử, thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia một cách linh hoạt, sáng tạo phù hợp Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để phục vụ 5 nhóm tiện ích như sau: (1) Phục vụ giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; (2) Phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; (3) Phục vụ công dân số; (4) Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư; (5) Phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.

g) Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, định rõ việc của cơ quan hành chính nhà nước. Tăng cường đổi mới, cải tiến phương thức làm việc nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước và sắp xếp, tinh gọn hệ thống tổ chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo quy định. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước; tăng cường rà soát, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động.

h) Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước.

i) Tiếp tục Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, tài chính đối với các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

k) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, Chính quyền điện tử, Chính quyền số, chuyển đổi hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước lên môi trường điện tử...góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

## 2. Yêu cầu

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương xác định được tầm quan trọng của CCHC, công tác CCHC được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và quản lý của các cấp, các ngành.

b) Các nhiệm vụ công tác CCHC phải được tiến hành đồng bộ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, tạo được sự chuyển biến rõ nét, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh và bền vững.

c) Kế thừa và phát huy những thành tích về CCHC đã đạt được trong thời gian vừa qua, chủ động nghiên cứu, sáng tạo, quyết liệt áp dụng các giải pháp nhằm khắc phục những mặt hạn chế, yếu kém trong CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm đẩy mạnh CCHC năm 2025 và những năm tiếp theo.

d) Cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

## II. NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

### 1. Cải cách thể chế

#### a) *Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật*

- Thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường tham vấn ý kiến chuyên môn của các hiệp hội, chuyên gia, nhà khoa học và tham vấn ý kiến rộng rãi của người dân, tổ chức và xã hội trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính minh bạch, tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

- Thực hiện kịp thời, đúng tiến độ xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật; khắc phục tình trạng chậm trễ trong công tác xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

#### b) *Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật*

- Triển khai kịp thời, hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

- Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật.

- Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã

hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

- Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)**

a) Xây dựng dự thảo quyết định công bố của các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh gồm Quyết định công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh; Quyết định công bố TTHC được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản QPPL của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh sau khi văn bản QPPL được ban hành. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng hồ sơ trình công bố TTHC hoặc công bố danh mục TTHC, quy trình nội bộ giải quyết TTHC; công khai các TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Cổng Thông tin điện tử của tỉnh.

b) Kiểm soát việc tiếp nhận hồ sơ của Bộ phận Một cửa các cấp; việc giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời, đẩy mạnh việc thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử; không để xảy ra tình trạng yêu cầu nộp bổ sung hồ sơ giấy đối với hồ sơ trực tuyến đã được gửi và ký số. Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết TTHC theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền hà, tiêu cực, phiền hà cho nhân dân.

c) Thường xuyên đồng bộ dữ liệu đầy đủ, chính xác, liên tục phục vụ đánh giá các nhóm chỉ số tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ theo thời gian thực. Công khai kết quả đánh giá trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Cổng Thông tin điện tử của tỉnh.

d) Xây dựng Kế hoạch kiểm soát TTHC, Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trọng tâm năm 2025 và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo các kế hoạch; kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền các giải pháp, sáng kiến đơn giản hóa TTHC; tổ chức kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

đ) Tham gia ý kiến đối với TTHC quy định trong dự thảo văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh.

e) Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận và xử lý hiệu quả nội dung phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và kết quả giải quyết TTHC tại các cấp chính quyền.

g) Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh

về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Gia Lai và Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh.

h) Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng về dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (viết gọn là Đề án 06).

i) Rà soát, thống kê và đơn giản hóa các TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước theo lộ trình thực hiện tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

a) Tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trực thuộc UBND tỉnh đảm bảo tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ, liên thông, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới - theo chủ trương sắp xếp tinh gọn bộ máy của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tinh nhuệ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

b) Nâng cao chất lượng sử dụng nguồn nhân lực, hiệu suất sử dụng biên chế thông qua việc rà soát, xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị, địa phương một cách cụ thể, khoa học, đúng quy định, sát thực tế; trên cơ sở đó, sắp xếp, bố trí nhân sự làm việc tại các cơ quan, đơn vị theo đúng tiêu chuẩn, yêu cầu của vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế để tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Trung ương; Kế hoạch, Chương trình hành động của Tỉnh ủy; giải quyết kịp thời các kiến nghị, khó khăn, vướng mắc của các sở, ngành, địa phương trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.

d) Tăng cường phân cấp, ủy quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, giữa cấp trên và cấp dưới gắn với quyền hạn và trách nhiệm; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

### **4. Cải cách chế độ công vụ**

a) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 28/6/2021 của Tỉnh ủy về Nghị quyết Hội nghị lần thứ Ba Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XVI về tập trung xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, tỉnh Gia Lai đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

b) Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung xây dựng, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo kịp thời, đúng quy định, phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị - làm căn cứ để tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức gắn với xây dựng bộ tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức cụ thể đối với từng ngành, lĩnh vực, loại hình công việc và vị trí công tác.

c) Triển khai có hiệu quả các văn bản pháp luật quy định về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức; triển khai thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi hoạt động theo hướng đầy mạnh tự chủ.

d) Triển khai thực hiện đạt hiệu quả Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2025; đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và tổ chức mở lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số dành cho cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi; bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã để hoàn thiện, chuẩn hóa theo tiêu chuẩn chức danh và tạo điều kiện cho cán bộ, công chức cấp xã nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

đ) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; nâng cao thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

e) Thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

**5. Cải cách tài chính công:** Báo cáo kết quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước; kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện năm 2024 theo quy định.

## **6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

a) Hoàn thiện môi trường pháp lý

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng khung pháp lý của tỉnh về hỗ trợ xây dựng, phát triển Chính phủ số và Chính quyền số các cấp theo quy định, hướng dẫn của Trung ương.

- Triển khai các quy định về định danh và xác thực điện tử, hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số.

- Triển khai các chính sách, quy định pháp lý về thuế, phí nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số.

#### b) Phát triển hạ tầng số

- Phát triển hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tại tỉnh.

- Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả. Thực hiện thuê dịch vụ Trung tâm dữ liệu của tỉnh để phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt, đáp ứng việc xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, tạo nền tảng chuyển đổi số và xã hội số; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin...

- Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các địa phương.

#### c) Phát triển nền tảng và hệ thống số

- Duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài và trong nội bộ tỉnh. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của tỉnh.

- Phát triển các hệ thống đặc thù sử dụng trong phạm vi của tỉnh để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu...

- Xây dựng, phát triển ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

#### d) Phát triển dữ liệu số

- Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số, Chính quyền số trong nội bộ của tỉnh; phối hợp thực hiện chia sẻ hiệu quả dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành với các địa phương; ứng dụng dịch vụ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Triển khai Kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh để lưu trữ dữ liệu của các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu số từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số.

đ) Phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ

- Tiếp tục duy trì các hệ thống thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Phối hợp kết nối, tích hợp theo thời gian thực giữa hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh tại các cấp chính quyền với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Duy trì, kết nối, liên thông hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh với Hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài tỉnh theo nhu cầu.

- Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.

- Phát triển các hệ thống làm việc từ xa của các cơ quan nhà nước.

- Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động, internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính quyền điện tử tại các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

e) Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

- Nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã phục vụ việc tái sử dụng hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC hướng tới mục tiêu người dân chỉ phải cung cấp thông tin, giấy tờ một lần.

- Phối hợp, triển khai cơ sở dữ liệu về các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và Cổng tham vấn điện tử theo Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

- Phối hợp triển khai, xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước theo hướng dẫn của Trung ương.

- Phối hợp tuyên truyền, hỗ trợ việc ứng dụng thanh toán trực tuyến khi thực hiện TTHC, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ



cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

- Tiếp tục vận hành cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh Gia Lai.

g) Xây dựng, phát triển đô thị thông minh

- Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế. Ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.

- Tiếp tục triển khai các dịch vụ đô thị thông minh tại thành phố Pleiku; kịp thời sơ kết đánh giá và nhân rộng các mô hình hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

### **7. Công tác chỉ đạo, điều hành, thông tin, tuyên truyền về CCHC**

a) Kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC; tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC, gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng.

b) Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan được giao chủ trì các nội dung cải cách hành chính của tỉnh để từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Triển khai xác định và công bố Chỉ số CCHC năm 2024 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát với nhiều hình thức: Kiểm tra theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất theo thẩm quyền của cơ quan, địa phương. Nâng cao chất lượng tự kiểm tra công tác CCHC tại các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã nhằm chấn chỉnh việc chấp hành kỷ luật và kỷ cương trong bộ máy hành chính nhà nước.

đ) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, quán triệt thực hiện các nội dung CCHC của tỉnh dưới nhiều hình thức đa dạng.

e) Tăng cường hoạt động tập huấn, bồi dưỡng, trang bị các kiến thức, kinh nghiệm về CCHC cho đội ngũ công chức, viên chức thực hiện công tác CCHC của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã.

g) Phát huy nhân rộng các sáng kiến, ý tưởng, giải pháp, cách làm hay trong công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

## **III. CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Căn cứ kế hoạch này và tình hình thực tế, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện có chất lượng, hiệu quả Kế hoạch CCHC năm 2025 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình;

xác định rõ nội dung, nhiệm vụ trọng tâm, những khâu đột phá, giải pháp chủ yếu và trách nhiệm thực hiện CCHC trong năm 2025 của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch, định kỳ hàng quý, báo cáo kết quả thực hiện (tổng hợp chung trong báo cáo CCHC) về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh). Đưa kết quả thực hiện Kế hoạch vào nội dung xác định trách nhiệm trong thực thi công vụ của người đứng đầu và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

## **2. Sở Nội vụ có trách nhiệm**

- Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, cơ quan liên quan đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí phục vụ công tác CCHC theo đúng quy định.

- Làm đầu mối theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch nhằm cải thiện thứ hạng từng tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC được xác định trong Đề án Chỉ số CCHC. Đồng thời, định kỳ hàng quý tổng hợp chung việc thực hiện kế hoạch này vào báo cáo CCHC để báo cáo UBND tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

**3. Sở Thông tin và Truyền thông:** Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh và các cơ quan thông tin ở cơ sở, tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Kế hoạch để tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

Trên đây là Kế hoạch CCHC năm 2025 của tỉnh Gia Lai; yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh các nhiệm vụ mới theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh hoặc có bất cập, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện thì các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- TT. Tỉnh uỷ; TT. HĐND tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh uỷ;
- Ủy ban MTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Bưu điện tỉnh; Báo Gia Lai; Đài PTTH Gia Lai;
- Công TTĐT tỉnh/Trang TTĐT Sở Nội vụ;
- CT. UBND xã, phường, thị trấn (UBND cấp huyện gửi);
- Lưu: VT, HCQT, KGVX, TTTH, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Rah Lan Chung**



STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
				<p>1. Cập nhật, đăng tải văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật.</p> <p>2. Báo cáo tình hình cập nhật, đăng tải văn bản QPPL trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật.</p>	Sở Tư pháp	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành có liên quan	Thường xuyên trong năm 2025	
			<p>3. Ban hành Kế hoạch triển khai công tác pháp chế và công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; Triển khai thực hiện đạt 100% Kế hoạch.</p>	<p>1. Kế hoạch triển khai công tác pháp chế và công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2025.</p> <p>2. Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch.</p> <p>3. Các Thông báo, kết luận kiểm tra và các văn bản xử lý các vấn đề phát hiện (nếu có).</p>	Sở Tư pháp; các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành có liên quan	<p>- Ban hành Kế hoạch trước ngày 31/12/2024.</p> <p>- Báo cáo kết quả thực hiện trong Quý IV năm 2025.</p>	
2	2. Triển khai đầy đủ, đồng bộ các quy định về theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định số 59/2012/	2. Triển khai đồng bộ, hiệu quả các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.	Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Triển khai thực hiện đạt 100% Kế hoạch; Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.	<p>1. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của tỉnh Gia Lai năm 2025.</p> <p>2. Văn bản về thu thập thông tin tình hình thi hành pháp</p>	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	- Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của tỉnh Gia Lai trước ngày 30/01/2025.	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
	NĐ-CP; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.			luật; Báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động kiểm tra; Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật. 3. Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.			- Báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật chậm nhất ngày 10/12/2025.	
<b>II</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>							
3	3. Ban hành Kế hoạch kịp thời.	3. Ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2025	Dự thảo Quyết định ban hành kế hoạch Kiểm soát TTHC	Quyết định/Kế hoạch	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Trước ngày 31/12/2024	
4	4. Hoàn thành 100% Kế hoạch.	4. Tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công khai, minh bạch.</li> <li>- Tiến độ giải quyết.</li> <li>- Dịch vụ trực tuyến (dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến).</li> <li>- Mức độ hài lòng.</li> <li>- Số hóa hồ sơ.</li> <li>- Tổng hợp, hoàn chỉnh báo cáo trình UBND tỉnh ban hành gửi Văn phòng Chính phủ theo quy định</li> </ul>	Báo cáo kết quả thực hiện qua các quý, năm theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Theo Kế hoạch	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
5	5. Hoàn thành 100% Kế hoạch.	5. Ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trọng tâm năm 2025 và tổ chức thực hiện	Dự thảo Kế hoạch và tiến hành rà soát, đánh giá TTHC	Quyết định ban hành Kế hoạch và Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh	- Ban hành Kế hoạch trong tháng 01/2025; - Ban hành báo cáo kết quả trước ngày 15/9/2025.	
6	6. Hoàn thành các nhiệm vụ theo lộ trình đã đề ra.	6. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 và Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh	Rà soát và thực hiện các nhiệm vụ theo lộ trình tại các Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 29/4/2021, số 602/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh	Báo cáo kết quả thực hiện qua các quý, năm theo quy định	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh	Theo Kế hoạch	
7	7. Hoàn thành các nhiệm vụ theo lộ trình đã đề ra.	7. Thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06	Thực hiện các nhiệm vụ theo lộ trình tại Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh và các nhiệm vụ phát sinh	Báo cáo kết quả thực hiện qua các tháng, quý, năm theo quy định	Các sở, ban, ngành tỉnh; cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh	Theo Kế hoạch	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
8	8. Kiểm soát quy định TTHC	8. Tham gia ý kiến đối với TTHC quy định trong dự thảo văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh	Nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với các dự thảo văn bản QPPL	Các văn bản của Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	
9	9. Tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong giải quyết TTHC.	9. Tiếp nhận và xử lý hiệu quả nội dung tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện tiếp nhận PAKN.</li> <li>- Phân công cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý và trả lời PAKN của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính, hành vi hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo nội dung PAKN, thẩm quyền giải quyết.</li> <li>- Công khai kết quả xử lý PAKN trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.</li> </ul>	Kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Các sở, ban, ngành tỉnh; Công an tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Cục thuế tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
10	10. Hoàn thành các nhiệm vụ theo lộ trình đã đề ra.	10. Rà soát, thống kê và đơn giản hóa các TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước	Thực hiện các nhiệm vụ theo lộ trình Kế hoạch số 3031/KH-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh.	Các Quyết định công bố TTHC nội bộ; Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hoá, thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Kế hoạch số 3031/KH-UBND	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các sở, ban, ngành tỉnh.</li> <li>- UBND cấp huyện.</li> </ul>	Văn phòng UBND tỉnh	Theo Kế hoạch	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
<b>III</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>							
11	11. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước	11. Thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của các sở, UBND cấp huyện theo định hướng của Trung ương và chủ trương của Tỉnh ủy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình HĐND tỉnh sắp xếp, hợp nhất một số sở và triển khai sắp xếp bộ máy bên trong của các sở, ngành;</li> <li>- Kiện toàn chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức các sở, ngành sau khi sắp xếp.</li> <li>- Chỉ đạo UBND cấp huyện thực hiện sắp xếp theo định hướng của Trung ương, của tỉnh.</li> </ul>	Nghị quyết/Quyết định/Văn bản	Các sở, ban, ngành UBND huyện	Sở Nội vụ	Theo lộ trình đề ra	
12	12. Tinh giản đầu mối và biên chế, tăng tính tự chủ, công khai, minh bạch; phát huy được vai trò chủ đạo, nâng cao chất lượng, cơ bản đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của nhân dân	12. Tiếp tục sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.	UBND tỉnh, huyện ban hành Quyết định kiện toàn, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, huyện.	Quyết định	Các sở, ban, ngành UBND huyện và các đơn vị liên quan	Sở Nội vụ	Trong năm 2025	
13	13. Tiếp tục giảm biên chế hành chính, sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2024.	13. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế hành chính, số lượng người làm việc theo Kế hoạch số	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát, xác định đối tượng tinh giản biên chế theo đúng quy định.</li> <li>- Phê duyệt danh sách và dự toán kinh phí tinh giản biên chế.</li> </ul>	Quyết định	Các sở, ban, ngành UBND huyện và các đơn vị liên quan	Sở Nội vụ	Trong năm 2025	



STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
		2087/KH-UBND; Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ Quy định về tinh giản biên chế.						
14	14. Khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.	14. Tăng cường phân cấp, uỷ quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, giữa cấp trên và cấp dưới gắn với quyền hạn và trách nhiệm trên tinh thần Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.	Các sở, ban, ngành tỉnh chủ động nghiên cứu, theo dõi các văn bản hướng dẫn, triển khai của các bộ, ngành chuyên môn để kịp thời tham mưu, đề xuất UBND tỉnh triển khai thực hiện.	Quyết định phân cấp	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan	Sở Nội vụ	Sau khi có thông tư, hướng dẫn của cơ quan chủ quản và cơ quan cấp trên	
<b>IV</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>							
15	15. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 và định	15. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các văn bản pháp luật về xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật	Thực hiện đúng theo các quy định của Đảng và Nhà nước.	Các quy định, văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Thường xuyên trong năm	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
	hướng đến năm 2030	Viên chức,... bảo đảm đồng bộ với các quy định của Đảng về công tác cán bộ.						
16	16. Trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức và hoạt động nghề nghiệp của viên chức, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, sự nghiệp phát triển của đất nước.	16. Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm.	1. Ban hành kịp thời Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2025 của tỉnh.	Quyết định	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong Quý I năm 2025	
			2. Triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2025.	Báo cáo	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong Quý IV năm 2025	
17	17. Các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh bố trí viên chức theo	17. Rà soát, xây dựng, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch, công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh	- Các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, xây dựng, hoàn chỉnh Đề án vị trí việc làm gửi Sở Nội vụ; - Sở Nội vụ thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.	Quyết định	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Sở Nội vụ	Sau khi có thông tư, hướng dẫn của cơ quan chủ quản và cơ quan cấp trên	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
	đúng vị trí việc làm được phê duyệt.	nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo kịp thời, đúng quy định, phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị.						
18	18. Làm rõ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Kết quả đánh giá là căn cứ để bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức.	18. Thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP và Nghị định số 48/2023/NĐ-CP đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức và gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo theo quy định.	Báo cáo	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Sở Nội vụ	Trong tháng 12 năm 2025	
<b>V</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>							
19	19. Nâng cao chất lượng, hiệu quả	19. Tổng hợp từ các đơn vị kết quả	Báo cáo tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách	Báo cáo	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành,	Trước ngày 28/02/2025	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
	thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, tài chính đối với các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.	thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm năm 2024 theo quy định.	nhiệm năm 2024 theo quy định.			UBND các huyện, thị xã, thành phố		
<b>VI</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số</b>							
20	20. Hoàn thiện môi trường pháp lý.	20. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng khung pháp lý của tỉnh hỗ trợ xây dựng, phát triển Chính phủ số và Chính quyền số các cấp theo quy định, hướng dẫn của Trung ương.	Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng khung pháp lý của tỉnh hỗ trợ xây dựng, phát triển Chính phủ số và Chính quyền số các cấp theo quy định, hướng dẫn của Trung ương.	Báo cáo định kỳ về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số của tỉnh hằng năm	Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan		Năm 2025 và các năm tiếp theo	
		21. Triển khai các quy định về định danh và xác thực điện tử, hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số.	- Triển khai Quyết định ban hành mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Gia Lai; - Tiếp tục duy trì kết nối hệ thống LGSP của tỉnh đã triển khai với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ xử lý TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và triển khai sử dụng chính thức cho các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu có nhu cầu khai thác dữ	Báo cáo định kỳ về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số của tỉnh hằng năm	Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; Bru điện tỉnh	Năm 2025 và các năm tiếp theo	Theo hướng dẫn của Trung ương

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
			liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; - Triển khai các quy định về định danh và xác thực điện tử, hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số.					
		22. Triển khai các chính sách, quy định pháp lý về thuế, phí nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số.	Tuyên truyền, triển khai các chính sách, quy định pháp lý về thuế, phí nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số.	Báo cáo định kỳ về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số của tỉnh hàng năm	Cục Thuế tỉnh; Sở Tài chính; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh.	Năm 2025 và các năm tiếp theo	
		23. Nâng cấp Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai phiên bản 3.0	Thực hiện theo Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành về ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số	Quyết định của UBND tỉnh về phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai phiên bản 3.0	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh	Năm 2025	
21	21. Phát triển hạ tầng số.	24. Phát triển hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số trên địa bàn tỉnh.	- Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi IPV6 trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 – 2025. - Duy trì hệ thống mạng diện rộng (WAN) của tỉnh	Hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan		Năm 2025 và các năm tiếp theo	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
		25. Phát triển hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số tại tỉnh.	Tiếp tục triển khai, xây dựng các hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số tại tỉnh.	Hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số tại tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Năm 2025 và các năm tiếp theo	
		26. Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.	Thuê dịch vụ Trung tâm dữ liệu tỉnh Gia Lai theo mô hình điện toán đám mây (Cloud...)	Hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2025 và các năm tiếp theo	
		27. Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền điện tử hướng tới	Tiếp tục triển khai Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030” đã được UBND tỉnh phê duyệt, trong đó nội dung triển khai phát triển hạ tầng	Hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Sau khi Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
		Chính phủ số, gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các đơn vị, địa phương.	Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số, gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các đơn vị, địa phương.					
22	Phát triển nền tảng và hệ thống số.	28. Duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin	<p>- Tiếp tục duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài.</p> <p>- Tiếp tục bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của tỉnh.</p>	Duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Năm 2025 và các năm tiếp theo	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
		của tỉnh.						
		29. Phát triển các hệ thống đặc thù sử dụng trong phạm vi của tỉnh để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu...	Các sở, ban, ngành tỉnh tiếp tục triển khai, xây dựng, phát triển các hệ thống đặc thù, chuyên ngành sử dụng trong phạm vi của tỉnh để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu...	Các hệ thống đặc thù sử dụng trong phạm vi của tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh		Năm 2025 và các năm tiếp theo	
		30. Xây dựng, phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong Chính quyền điện tử, Chính phủ số.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục duy trì, cung cấp việc sử dụng ứng dụng Zalo để triển khai phục vụ công dân, tổ chức tra cứu, theo dõi tình trạng giải quyết hồ sơ; đánh giá mức độ hài lòng khi giao dịch với các cơ quan hành chính; gửi phản ánh, kiến nghị qua Zalo; công khai các thông tin công dân, tổ chức quan tâm; tuyên truyền các chủ trương, chính sách... đến công dân, tổ chức; đồng thời tiếp tục nghiên cứu phát triển trên các nền tảng ứng dụng khác.</li> <li>- Triển khai ứng dụng di động cung cấp các dịch vụ đô thị thông minh tại thành phố Pleiku.</li> </ul>	Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành tỉnh; UBND thành phố Pleiku, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Năm 2025 và các năm tiếp theo	



STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
23	23. Phát triển dữ liệu số.	31. Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số trong nội bộ của tỉnh; phối hợp thực hiện chia sẻ hiệu quả dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành với các địa phương; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật	Các sở, ban, ngành phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số trong nội bộ của tỉnh; phối hợp thực hiện chia sẻ hiệu quả dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành với các địa phương; ứng dụng dịch vụ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.	Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số trong nội bộ của tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh		Năm 2025 và các năm tiếp theo	
		32. Triển khai kho dữ liệu số dùng chung	Thuê dịch vụ kho dữ liệu số dùng chung xây dựng dựa trên các nền tảng là cơ sở dữ liệu người dân, cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu danh mục dùng chung trên cơ sở tích hợp dữ liệu, chia sẻ, dùng chung các cơ sở dữ liệu tại các sở, ban, ngành, huyện, thị xã thành phố.	Kho dữ liệu số dùng chung để lưu trữ dữ liệu trên địa bàn tỉnh, phục vụ chuyển đổi hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước lên môi trường điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2025 và các năm tiếp theo	
		33. Triển khai Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của tỉnh	Thuê dịch vụ Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp nhằm tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu số từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới	Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2025 và các năm tiếp theo	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
			phục vụ Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số.			phó		
24	Phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ.	34. Phát triển hệ thống thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục duy trì hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.</li> <li>- Duy trì phát triển hệ thống quản lý giao việc của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.</li> <li>- Triển khai thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh (IOC).</li> </ul>	Hệ thống thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2025 và các năm tiếp theo	
		35. Phối hợp duy trì kết nối, tích hợp theo thời gian thực giữa hệ thống thông tin, hệ thống báo cáo, cơ sở dữ liệu của tỉnh tại các cấp chính quyền với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	Phối hợp duy trì kết nối, tích hợp theo thời gian thực giữa hệ thống thông tin, hệ thống báo cáo, cơ sở dữ liệu của tỉnh tại Văn phòng UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	Phối hợp kết nối, tích hợp theo thời gian thực giữa hệ thống thông tin, hệ thống báo cáo, cơ sở dữ liệu của tỉnh tại các cấp chính quyền với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo hướng dẫn của Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Năm 2025 và các năm tiếp theo	
		36. Kết nối, liên thông hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh với Hệ thống		Kết nối, liên thông hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh với Hệ thống phần mềm quản lý cơ sở	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ban, ngành tỉnh,	Năm 2025 và các năm tiếp theo	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
		phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao		dữ liệu theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao		UBND các huyện, thị xã, thành phố		
		37. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.	Tiếp tục chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.	95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	Các sở, ban, ngành UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ	Năm 2025 và các năm tiếp theo	
		38. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ,	Các sở, ban, ngành tiếp tục phát triển các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành	các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành phục vụ nội bộ	Các sở, ban, ngành tỉnh	Sở Thông tin và Truyền	Năm 2025 và các năm tiếp theo	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
		chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài tỉnh theo nhu cầu.	phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài tỉnh theo nhu cầu.	và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài tỉnh theo nhu cầu		thông		
		39. Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyên đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.	Tiếp tục đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyên đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.	95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	Các sở, ban, ngành UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2025 và các năm tiếp theo	
		40. Phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa của các cơ quan nhà nước.	Tiếp tục tăng cường sử dụng các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa của các cơ quan nhà nước trên hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; họp trực tuyến qua phần mềm của tỉnh như: <a href="https://emeeting.gialai.gov.vn">https://emeeting.gialai.gov.vn</a> và các phần mềm khác.	95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	Các sở, ban, ngành UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2025 và các năm tiếp theo	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
		41. Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động, internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính quyền điện tử tại các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.	Triển khai dự án: “Xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền số”, dự kiến sẽ xây dựng, triển khai các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud), dữ liệu lớn (Big Data)...; triển khai Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó nội dung triển khai phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính quyền điện tử tại các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.	95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	Các sở, ban, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2025 và các năm tiếp theo	
25	25. Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp.	42. Tiếp tục vận hành cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh Gia Lai.	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, tăng cường công tác quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai, cung cấp dịch vụ công về đất đai và chia sẻ thông tin đất đai nhằm đáp ứng tốt	Quản lý, số hóa: Cơ sở dữ liệu địa chính, Cơ sở dữ liệu Thống kê, kiểm kê đất đai, Cơ sở dữ liệu Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất, Cơ sở dữ liệu Giá đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2025	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
			hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.					
		43. Đẩy mạnh triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.	Đẩy mạnh triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và nâng cao tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã phục vụ việc tái sử dụng hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC hướng tới mục tiêu người dân chỉ phải cung cấp thông tin, giấy tờ một lần.	- Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.  - Tái sử dụng hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.	các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2025 và các năm tiếp theo	Thực hiện theo Thông tư 01/2023/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ
		44. Phối hợp hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và Công tham vấn điện tử theo Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025 theo hướng dẫn của	Các đơn vị phối hợp hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và Công tham vấn điện tử theo Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025 theo hướng dẫn của Trung ương.	Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và Công tham vấn điện tử	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2025 và các năm tiếp theo	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
		Trung ương.						
		45. Duy trì, vận hành Phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Gia Lai	Tiếp tục công khai, cập nhật... các cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai cho người dân, doanh nghiệp	Cơ sở dữ liệu về giá được duy trì thường xuyên tại địa chỉ <a href="https://csdlgia.gialai.gov.vn/">https://csdlgia.gialai.gov.vn/</a>	Sở Tài chính		Năm 2025 và các năm tiếp theo	
		46. Tiếp tục duy trì, cung cấp việc sử dụng ứng dụng Zalo để triển khai phục vụ công dân, tổ chức.	Cung cấp thông tin trên các kênh Zalo Official Account		Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Năm 2025 và các năm tiếp theo	
		47. Phối hợp tuyên truyền, hỗ trợ việc ứng dụng thanh toán trực tuyến khi thực hiện TTHC, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các đơn vị, tổ chức tuyên truyền, hỗ trợ việc ứng dụng thanh toán trực tuyến, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.	Phối hợp tuyên truyền, hỗ trợ việc ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt tới tất cả người dân	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Năm 2025 và các năm tiếp theo	
		48. Triển khai khám chữa bệnh sử dụng CCCD và VNeID	Các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện tiếp nhận CCCD gắn chip VNeID khi người dân thực hiện khám, chữa	100% cơ sở khám chữa bệnh thực hiện tiếp nhận CCCD gắn chip VNeID khi	Sở Y tế	Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông,	Năm 2025 và các năm tiếp theo	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
			bệnh.	người dân thực hiện khám, chữa bệnh.		Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, các Bệnh viện, Trung tâm Y tế và các đơn vị liên quan		
		49. Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên VNeID	Triển khai tích hợp các dịch vụ công trực tuyến trên VNeID; tuyên truyền người dân truy cập VNeID để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến	Giúp người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến thông qua VNeID	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2025 và các năm tiếp theo	
		50. Triển khai nền tảng quản lý lưu trú tại cơ sở lưu trú (Nhà trọ, Nhà cho thuê, Nhà nghỉ, Khách sạn, Nhà khách, Nhà công vụ)	Triển khai phần mềm thông báo lưu trú để khai báo lưu trú có kết nối đồng bộ với CSDL quốc gia về dân cư đến các cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh	Các cơ sở lưu trú sử dụng phần mềm lưu trú được kết nối với CSDL quốc gia về dân cư, bảo đảm tính bảo mật dữ liệu cá nhân, thông tin khách lưu trú được đồng bộ và cập nhật liên tục trên hệ thống, góp phần phòng ngừa, phát hiện dấu hiệu tội phạm, phục vụ công tác bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh; phục vụ công tác	Công an tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các đơn vị liên quan	Năm 2025 và các năm tiếp theo	



STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
				quản lý của ngành du lịch.				
		51. Triển khai thiết bị giám sát sát hạch lái xe	Triển khai thiết bị xác minh di động và đầu đọc CCCD gắn chip để xác định danh tính học viên, tránh gian lận tại các Cơ sở đào tạo, Trung tâm sát hạch lái xe	Cơ sở đào tạo, Trung tâm sát hạch lái xe được trang bị thiết bị xác minh di động và đầu đọc CCCD gắn chip để xác định danh tính học viên.	Sở Giao thông vận tải	Công an tỉnh, các Cơ sở đào tạo, Trung tâm sát hạch lái xe và các đơn vị liên quan	Năm 2025 và các năm tiếp theo	
		52. Triển khai tổ giác tội phạm qua ứng dụng VNeID	Sử dụng VNeID trong công tác tổ giác tội phạm	Sử dụng ứng dụng VNeID trong công tác tổ giác tội phạm.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	Năm 2025 và các năm tiếp theo	
26	26. Xây dựng, phát triển đô thị thông minh.	53. Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế. Ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như tắc nghẽn giao thông, ô	Tiếp tục triển khai Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030” đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 20/01/2021.	Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế.	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND thành phố Pleiku và các đơn vị liên quan.		Năm 2025 và các năm tiếp theo	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
		nhiệm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.						
<b>VII</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành</b>							
27	27. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm tổ chức thực hiện CCHC của cán bộ quản lý các cấp, cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực thi công vụ, nhiệm vụ; đồng thời, nâng cao nhận thức, sự đồng thuận của người dân, tổ chức, xã hội về việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC nhà nước	54. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, quán triệt thực hiện các nội dung CCHC của tỉnh dưới nhiều hình thức đa dạng.	Ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2025	Quyết định	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trước ngày 31/12/2024	
			Báo cáo đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch.	Báo cáo	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Lồng ghép trong báo cáo định kỳ CCHC	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
28	28. So sánh, xếp hạng kết quả CCHC của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện. Thông qua đó, các cơ quan hành chính nhận rõ những kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế để có giải pháp cải thiện, nâng cao chất lượng, hiệu quả CCHC hàng năm.	55. Triển khai xác định và công bố Chỉ số CCHC năm 2024 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Triển khai đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công CCHC năm 2024 các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Công văn	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong tháng 01 năm 2025	
			Quyết định công bố Chỉ số CCHC năm 2024 của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Quyết định	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong quý II năm 2025	
29	29. Kịp thời chỉ ra những tồn tại, tiếp thu các khó khăn, vướng mắc và xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm để đề xuất các giải pháp tháo gỡ, khắc phục nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác CCHC của tỉnh.	56. Kiểm tra từ 30% số cơ quan, đơn vị, địa phương trở lên.	Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2025.	Quyết định	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong Quý I/2025	
			Báo cáo kết quả kiểm tra	Báo cáo	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trước ngày 31/12/2025	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
30	30. Phát huy nhân rộng các sáng kiến, ý tưởng, giải pháp, cách làm hay trong công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.	57. Mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai tối thiểu 01 sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động nghiên cứu, đề xuất, triển khai các giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC.	Văn bản triển khai thực hiện	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Nội vụ	Thường xuyên trong năm	
			Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo tình hình triển khai thực hiện; kết quả, hiệu quả đạt được của các giải pháp, sáng kiến.	Báo cáo	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Nội vụ	Lồng ghép trong báo cáo định kỳ CCHC	
31	31. Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC.	58. Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các cơ quan, đơn vị, địa phương lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác CCHC là một trong các tiêu chí đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và bình xét thi đua – khen thưởng hàng năm nhằm nâng cao trách nhiệm cá nhân của từng cán bộ, công chức, viên chức và tạo động lực đổi mới, sáng tạo trong hoạt động công vụ;</li> <li>- Trên cơ sở kết quả theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện CCHC trên địa bàn tỉnh của Sở Nội vụ, Ban Thi đua – Khen thưởng xem xét không đề xuất thi đua – khen thưởng đối với những cá nhân, cơ quan, đơn</li> </ul>	Báo cáo	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan	Sở Nội vụ	Trong năm 2025	

STT	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Hoạt động	Kết quả/ Sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí
			vị, địa phương còn dễ xảy ra nhiều tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến công tác CCHC của tỉnh nói chung, Chỉ số CCHC của tỉnh nói riêng.					